

Bản án số: 11/2021/DS-ST
Ngày: 21-5-2021
V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng
vay tài sản, bằng tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Tùng;

Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - Thư ký tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thái Hòa.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 05 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Âu Thị Thùy Tr, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số 69, đường Ngô Quyền, khóm 3, thị trấn TT, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Minh X, sinh năm 1982, có mặt

Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1983, có mặt

Cùng địa chỉ: Tổ 02, ấp Rò Leng, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Âu Hoàng D, sinh năm 1992. HKTT: 51/10 đường 44 phường Tam Phú, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 10 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Âu Thị Thùy Tr trình bày:* Do quen biết thông qua việc mua bán gạo, nên ngày 03-8-2020 (DL) bà có cho bà Hoàng Thị Đ vay số tiền 357.900.000 đồng, khi vay có làm biên nhận nợ do bà Hoàng Thị Đ tự

viết, ký tên lẫn tay, khi vay không có thoả thuận lãi suất và hạn là 30 ngày sau sẽ trả.

Đến ngày 24-8-2020, ông Trần Minh X chồng bà Đ có đến gặp tôi để vay thêm số tiền 30.000.000 đồng, có làm biên nhận do ông X tự viết và ký tên, thời hạn vay cũng là 30 ngày.

Nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng vợ chồng bà Đ, ông X vẫn chưa trả tiền cho tôi, tôi yêu cầu bà Hoàng Thị Đ, ông Trần Minh X có trách nhiệm trả số tiền nợ vay tổng cộng là 387.900.000 đồng và tính lãi suất theo quy định nhà nước từ ngày 03-8-2020 đến khi xét xử.

- Trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Hoàng Thị Đ trình bày như sau: Bà thừa nhận có vay tiền của bà Âu Thị Thùy Tr 03 lần như sau: lần 1 vay 120.000.000 đồng vào ngày 07-5-2020; lần 2 vay 40.000.000 đồng ngày 26-5-2020 và lần 3 vay 100.000.000 đồng ngày 04-6-2020; Tổng số tiền là 260.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 15%/tháng.

Đến ngày 03-8-2020, tại nhà bà Tr do Nguyễn Âu Hoàng D (con gái bà Tr) hướng dẫn bà ghi tờ biên nhận với số tiền 357.900.000 đồng, số tiền này đã bao gồm vốn 260.000.000 đồng và lãi suất 97.900.000 đồng, từ khi vay đến nay bà chưa trả tiền vốn, lãi cho bà Tr.

Bà Đ thừa nhận chồng bà Ông Trần Minh X có vay của bà Âu Thị Thùy Tr số tiền 30.000.000 đồng, có làm biên nhận ngày 24-8-2020.

- Ông Trần Minh X khai như sau: Hiện nay vợ chồng ông đang nợ rất nhiều người, ông thống nhất với ý kiến của vợ là Hoàng Thị Đ trình đòi với số tiền nợ của bà Tr, hoàn cảnh gặp khó khăn xin được trả dần số nợ.

Ông thừa nhận có vay của bà Âu Thị Thùy Tr số tiền 30.000.000 đồng, có làm biên nhận ngày 24-8-2020.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Âu Hoàng D trình bày: Chưa từng hướng dẫn cho bà Hoàng Thị Đ ghi bất cứ giấy tờ gì, đối với tờ giấy viết tay, không có tên và cũng không có ngày tháng với nội dung “120 triệu; 40 triệu; 100 triệu..... T5, T6, T7, T8 tổng cộng: 357.900.000 đồng”. chị xác định là chữ viết của chị, nhưng chị không ghi cho bà Đ vì trước nay chị không viết bất cứ gì cho bà Đ, còn nguồn gốc tờ giấy này ở đâu thì chị không biết.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Từ nội dung vụ án, xác định đây là quan hệ tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” thể hiện qua biên nhận ngày 03-8-2020. Theo đó bà Hoàng Thị Đ là bị đơn thừa nhận có viết, lăn tay, ký và ghi tên vào vị trí bên vay của giấy nhận nợ ngày 03-8-2020. Đối với biên nhận ngày 24-8-2020 ông Trần Minh X thừa nhận do ông viết, ký và ghi họ tên.

Tuy nhiên, bà Hoàng Thị Đ cho rằng chỉ vay tiền của bà Âu Thị Thùy Tr 03 lần vào các ngày 07-5-2020 vay 120.000.000 đồng; ngày 26-5-2020 vay 40.000.000 đồng và ngày 04-6-2020 vay 100.000.000 đồng; Tổng số tiền vay là 260.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 15%/tháng, do bà Tr cộng thêm 97.900.000 đồng tiền lãi suất nên thành số tiền 357.900.000 đồng. Bà Hoàng Thị Đ có cung cấp tờ giấy A4 (photo) thể hiện nội dung “ 120 triệu ; 40 triệu; 100 triệu tổng cộng: 357.900.000 đồng” do Nguyễn Âu Hoàng D con bà Tr ghi cho bà, thể hiện tiền vốn và tiền lãi vay của bà là 357.900.000 đồng.

Qua đối chất lời khai giữa Nguyễn Âu Hoàng D và Hoàng Thị Đ thì chị D thừa nhận chữ viết trong giấy A4 là do chị viết ra, nhưng không thừa nhận có viết giao cho bà Đ giữ, bà Đ thì không chứng minh được nội dung của tờ giấy nêu trên do chị D viết cho bà, trong khi nội dung tờ giấy không có tựa đề, không thể hiện ngày tháng và cũng không có ai ký tên. Do đó, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày của mình;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Tổ 2, ấp Rò Leng, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng giao dịch giữa bà Tr với bà Đ, ông X là sự thỏa thuận để vay số tiền 387.900.000 đồng. Do đó, Giao dịch này phù hợp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về nội dung:

Về xác định hợp đồng: Việc thỏa thuận vay có lập biên nhận ghi ngày 03 tháng 8 năm 2020 (dương lịch), có nội dung “.....Đại diện bên B (Bên vay) ông Trần Minh X, sinh năm 1982, bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1983, thường trú: ấp Rò Leng, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, an giang..... bên A đồng ý cho bên B vay số tiền là 357.900.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm năm mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng) thời điểm bên B trả vốn và lãi cho bên A là: 30 ngày ” do bà Hoàng Thị Đ tự ghi, ký tên, ghi họ tên, lấn tay, còn biên nhận ghi ngày 24-8-2020 có nội dung “.....hôm nay, vào lúc 20h00 ngày 24-8-2020 tôi tên Trần Minh X, sn 1982 có nhận tiền mượn của bà Âu Thị Thùy Tr số tiền 30.000.000 đồng thời gian trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày lập biên nhận này” do ông Trần Minh X ký và ghi họ tên. Như vậy, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, nhưng không thỏa thuận lãi suất nên có cơ sở xác định việc vay mượn tiền là có thật và phù hợp với chứng cứ, lời khai của các bên.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Đ cho rằng chỉ vay số tiền 260.000.000 đồng, còn số tiền chênh lệch 97.900.000 đồng là tiền lãi cộng dồn với mức lãi suất 15%, bà Đ cung cấp chứng cứ là tờ giấy viết tay, không tựa đề, không ghi tên, không ghi ngày tháng, có nội dung “120 triệu 7/5/2020 (T5...25;T6....30; T7.....31; T8.....3}890x600=53triệu400) 40 triệu(T5...6;T6....30; T7.....31; T8.....3}70x200=14triệu)..... 100 triệu(T6....27; T7.....31; T8.....3}61x500=30triệu500 97triệu900.....tổng cộng: 357.900.000 đồng” do Nguyễn Âu Hoàng D ghi để tính tiền vốn và lãi cho bà, nhưng tại phiên đối chất và tại phiên tòa chị Nguyễn Âu Hoàng D xác định là chữ viết của mình nhưng không phải ghi để tính tiền vốn và lãi cho bà Đ, ghi cho ai thì chị không nhớ, ngoài chứng cứ nêu trên bà Đ còn cung cấp tại phiên tòa đoạn ghi âm cuộc điện thoại giữa bà và bà Tr ngày 02/10/2020 thể hiện nội dung: Bà Đ nói chỉ vay của bà Tr số tiền vốn 260.000.000 đồng, không thể hiện lời xác nhận của bà Tr đối với số tiền này. Ngoài ra, bà Đ, ông X không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh.

Ông Trần Minh X thống nhất theo ý kiến của bà Đ và thừa nhận có vay của bà Tr số tiền 30.000.000 đồng, ông đồng ý cùng trả nợ với bà Đ, nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin được trả dần số nợ.

Nhận thấy, từ khi vay tiền đến khi xét xử, ông X, bà Đ chưa thanh toán khoản tiền lãi nào cho bà Tr nên đã vi phạm nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Bà Tr không đồng ý cho ông X, bà Đ trả dần. Do đó, ý kiến trình bày của bị đơn là không có cơ sở để xem xét.

Đối với mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu theo quy định pháp luật, xét thấy đây là hợp đồng vay có thời hạn nhưng các bên không thống nhất về lãi suất nên căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định mức lãi suất là 10%/năm (tương ứng 0,83%/tháng). Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Tr, buộc ông X, bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà Tr tiền vốn

vay là 357.900.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 03 tháng 8 năm 2020 đến khi xét xử ngày 21 tháng 05 năm 2021 là 9 tháng 18 ngày, cụ thể:

Tiền Vốn 357.000.000 đồng x 09 tháng 18 ngày x 0,83%/tháng = 28.632.000 đồng (1);

Tiền vốn vay 30.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 24 tháng 8 năm 2020 đến khi xét xử ngày 21 tháng 05 năm 2021 là 08 tháng 27 ngày. Vốn 30.000.000 đồng x 08 tháng 27 ngày x 0,83%/tháng = 2.226.000 đồng (2);

Tổng cộng tiền lãi: 30.858.000 đồng, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi mà vợ chồng bà Đ phải trả cho bà Tr là: 387.900.000 đồng + 30.858.000 đồng = 418.758.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 357; Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468; khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 / 2016 / UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Âu Thị Thùy Tr.

Buộc bà Hoàng Thị Đ và ông Trần Minh X có trách nhiệm trả cho bà Âu Thị Thùy Tr số tiền vay, vốn 387.900.000 đồng (*Ba trăm tám mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng*) và tiền lãi (1) + (2) là 30.858.000 đồng (*Ba mươi triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn đồng*), tổng cộng tiền vốn, lãi 418.758.000 đồng (*Bốn trăm mười tám triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Hoàng Thị Đ và ông Trần Minh X phải chịu 20.750.000 đồng (*Hai mươi triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí.

Bà Âu Thị Thùy Tr được nhận lại tiền tạm ứng án phí 9.697.000 đồng (*chín triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số TU/2016/0000557 ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tri Tôn.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi

thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- THA DS h. Tri Tôn;
- Lưu HS & VP.

Đoàn Văn Hùng